ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3247/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành giá dịch vụ công thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (không bao gồm phí, lệ phí) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12571/TTr-STNMT ngày 09/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá dịch vụ công thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (không bao gồm phí, lệ phí) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ công về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ công ban hành kèm theo Quyết định này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- Chủ trì rà soát, đánh giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh giá dịch vụ công theo quy định của pháp luật khi định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ tiền lương hoặc các yếu tố hình thành giá có thay đổi.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, kết quả thẩm định phương án giá và nội dung tham mưu ban hành giá dịch vụ công theo Quyết định này.

2. Các cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, công khai giá dịch vụ công theo quy định; thực hiện việc thu, quản lý và sử dụng nguồn thu theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm không thu trùng với các khoản phí, lệ phí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Đối với các hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ đã được ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng mức giá dịch vụ theo quy định có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoặc ký kết hợp đồng.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC:
GIÁ DỊCH VỤ CÔNG THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT (KHÔNG BAO GỒM PHÍ, LỆ PHÍ) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
A	**CÁ NHÂN**				
I	**CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**				
1	**Cấp đổi Giấy chứng nhận**				
1.1	***Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g Mục 1 Phần VII của Phần C, thuộc phần V Phụ lục 1 kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (áp dụng cả trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi)***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**470.000**	**451.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**421.000**	**402.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**599.000**	**575.000**	
1.2	***Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi đồng thời xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**470.000**	**451.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**421.000**	**402.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**599.000**	**575.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
2	**Cấp đổi Giấy chứng nhận đang thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**488.000**	**470.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**439.000**	**421.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**623.000**	**599.000**	
3	**Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp cấp chung trong một Giấy chứng nhận thì ngoài mức giá được tính ở trên (mục 1), mỗi thửa đất tăng thêm được tính như sau:**				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**43.000**	**43.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**43.000**	**43.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**56.000**	**56.000**	
4	**Ghi chú: Mức giá trên (mục 1.1, 1.2) áp dụng cho hồ sơ Cấp đổi Giấy chứng nhận không phải chuyển thông tin thuế, trường hợp Cấp đổi Giấy chứng nhận phải chuyển thông tin thuế thì ngoài mức giá tính ở trên, mỗi trường hợp tính thêm như sau:**				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**81.000**	**81.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**50.000**	**50.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**117.000**	**117.000**	
II	**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**				
1	**Cấp lại Giấy chứng nhận đã cấp do bị mất (bao gồm cả trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi)**				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**880.000**	**749.000**	
+	Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	769.000	659.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	110.000	90.000	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**800.000**	**669.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	689.000	578.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	111.000	90.000	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.089.000**	**945.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	945.000	829.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	143.000	116.000	
2	**Cấp lại giấy chứng nhận bị mất đồng thời đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (áp dụng cả trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đồng thời đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp - trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận)**				
-	**Đối với đất**	**Hồ sơ**	**587.000**	**507.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	472.000	412.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	114.000	94.000	
-	**Đối với tài sản**	**Hồ sơ**	**597.000**	**516.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	482.000	422.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	114.000	94.000	
-	**Đối với đất và tài sản**	**Hồ sơ**	**833.000**	**728.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	686.000	608.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	146.000	119.000	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
3	**Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận đã cấp bị mất**				
-	Đối với đất	Hồ sơ	470.000	447.000	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	421.000	397.000	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	599.000	569.000	
4	**Cấp lại Giấy chứng nhận đang thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**				
-	**Đối với đất**	**Hồ sơ**	**899.000**	**764.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	788.000	675.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	110.000	89.000	
-	**Đối với tài sản**	**Hồ sơ**	**819.000**	**684.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	707.000	594.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	111.000	90.000	
-	**Đối với đất và tài sản**	**Hồ sơ**	**1.113.000**	**966.000**	
+	Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện	Hồ sơ	969.000	850.000	
+	Nội dung do UBND cấp xã thực hiện	Hồ sơ	143.000	115.000	
5	**Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp cấp chung trong một Giấy chứng nhận thì ngoài mức giá được tính ở trên (mục 1), mỗi thửa đất tăng thêm được tính như sau**				
-	Đối với đất	Hồ sơ	43.000	43.000	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	43.000	43.000	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	56.000	56.000	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
III	**ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐƠN LẺ TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**				
1	**Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất**				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**1.897.000**	**1.780.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**1.765.000**	**1.648.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**2.563.000**	**2.408.000**	
IV	**ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**				
1	**Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**				
1.1	***Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (áp dụng cả với trường hợp đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đồng thời đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp) (trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**331.000**	**271.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**321.000**	**261.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**439.000**	**361.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	
1.2	***Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	
2	**Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm**				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**522.000**	**462.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**531.000**	**471.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**747.000**	**669.000**	
3	**Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**334.000**	**316.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**304.000**	**285.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**427.000**	**403.000**	
4	**Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên**				
4.1	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**237.000**	**218.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**213.000**	**195.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**289.000**	**265.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**353.000**	**334.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**304.000**	**285.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**446.000**	**422.000**	
4.2	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**322.000**	**262.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**308.000**	**248.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**414.000**	**336.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	
4.3	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**393.000**	**333.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**402.000**	**342.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**579.000**	**502.000**	
4.4	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)***				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**393.000**	**333.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**402.000**	**342.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**579.000**	**502.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.012.000**	**1.012.000**	
5	**Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký**				
5.1	***Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký***				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	
5.2	***Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận đồng thời Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	
5.3	***Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận đồng thời Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)***				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.012.000**	**1.012.000**	
6	**Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**				
6.1	***Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	GCN	**331.000**	**271.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**321.000**	**261.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**439.000**	**361.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	GCN	**448.000**	**388.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	Đối với tài sản	GCN	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**651.000**	**573.000**	
6.2	***Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	Đối với đất	GCN	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**651.000**	**573.000**	
6.3	***Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng đồng thời đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)***				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**448.000**	**388.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**457.000**	**397.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**651.000**	**573.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.012.000**	**1.012.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
7	**Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	GCN	**225.000**	**206.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**215.000**	**197.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**280.000**	**256.000**	
b	***Cấp mới Giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	GCN	**334.000**	**316.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**304.000**	**285.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**427.000**	**403.000**	
8	**Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	GCN	**339.000**	**279.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**334.000**	**274.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**464.000**	**386.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	GCN	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**651.000**	**573.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
9	**Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	GCN	**320.000**	**260.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**305.000**	**245.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**406.000**	**328.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	GCN	**448.000**	**388.000**	
-	Đối với tài sản	GCN	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	GCN	**651.000**	**573.000**	
10	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận đã cấp**				
10.1	***Trường hợp diện tích tăng thêm đã được cấp Giấy chứng nhận***				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**393.000**	**333.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**402.000**	**342.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**579.000**	**502.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.012.000**	**1.012.000**	
10.2	***Trường hợp diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận***				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**393.000**	**333.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**402.000**	**342.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**579.000**	**502.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.012.000**	**1.012.000**	
11	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận**				
11.1	***Trường hợp có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở***				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**78.000**	**78.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**59.000**	**59.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**88.000**	**88.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**344.000**	**325.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**479.000**	**461.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**598.000**	**574.000**	
11.2	***Trường hợp không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở***				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**448.000**	**388.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**651.000**	**573.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**759.000**	**759.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**759.000**	**759.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**985.000**	**985.000**	
12	**Tách thửa hoặc hợp thửa đất**				
12.1	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà không thay đổi người sử dụng đất***				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**353.000**	**334.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**304.000**	**285.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**446.000**	**422.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
12.2	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà không thay đổi người sử dụng đất đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**430.000**	**370.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**633.000**	**555.000**	
12.3	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà có thay đổi người sử dụng đất***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**242.000**	**224.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**212.000**	**193.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**319.000**	**295.000**	
12.4	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà thay đổi người sử dụng đất đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**430.000**	**370.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**457.000**	**397.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**633.000**	**555.000**	
13	**Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp thực hiện đăng ký biến động đất đai có sai sót)**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**217.000**	**198.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**213.000**	**194.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**267.000**	**243.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**334.000**	**316.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**304.000**	**285.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**427.000**	**403.000**	
14	**Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (Trường hợp thu hồi và hủy Giấy chứng nhận được cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất) - Chỉ thu với trường hợp thu hồi do sai sót của người sử dụng đất**				
a	***Thu hồi Giấy chứng nhận và không thực hiện cấp lại***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**184.000**	**166.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**177.000**	**159.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**238.000**	**214.000**	
b	***Thu hồi Giấy chứng nhận và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**334.000**	**316.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**304.000**	**285.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**427.000**	**403.000**	
15	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định**				
	Cấp mới giấy chứng nhận				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**448.000**	**388.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	GCN	**457.000**	**397.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**651.000**	**573.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**27.000**	**27.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**27.000**	**27.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**33.000**	**33.000**	
16	**Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**221.000**	**203.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**214.000**	**196.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**275.000**	**251.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	Đối với đất	Hồ sơ	**334.000**	**316.000**	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**304.000**	**285.000**	
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**427.000**	**403.000**	
17	**Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004**				
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**142.000**	**101.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**142.000**	**101.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**178.000**	**124.000**	
-	*Nội dung do UBND cấp xã thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**390.000**	**372.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**525.000**	**507.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**658.000**	**634.000**	
18	**Thế chấp hoặc thay đổi nội dung thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai**	GCN	**248.000**	**248.000**	
19	**Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai**	GCN	**254.000**	**254.000**	
B	**TỔ CHỨC**				
I	**CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**				
1	**Đăng ký, cấp đổi Giấy chứng nhận**				
1.1	***Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g Mục 1 Phần VII của Phần C, thuộc phần V Phụ lục 1 kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (bao gồm cả trường hợp Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi)***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**210.000**	**191.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**316.000**	**292.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**203.000**	**203.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**185.000**	**185.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**235.000**	**235.000**	
1.3	***Cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**210.000**	**191.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**316.000**	**292.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**240.000**	**240.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**222.000**	**222.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**283.000**	**283.000**	
II	**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**				
1	**Cấp lại Giấy chứng nhận đã cấp do bị mất**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**779.000**	**779.000**	
2	**Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận đã cấp bị mất**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**203.000**	**203.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**203.000**	**203.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**203.000**	**203.000**	
3	**Cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**241.000**	**222.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**816.000**	**816.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**816.000**	**816.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**816.000**	**816.000**	
III	**ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**				
1	**Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**242.000**	**242.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**211.000**	**211.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**321.000**	**321.000**	
2	**Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**1.476.000**	**1.457.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**1.445.000**	**1.427.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**1.927.000**	**1.901.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**216.000**	**237.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**183.000**	**204.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**253.000**	**280.000**	
IV	**ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**				
1	**Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**				
1.1	***Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**269.000**	**242.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**350.000**	**350.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**350.000**	**350.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**414.000**	**414.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**425.000**	**425.000**	
1.2	***Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**425.000**	**425.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
2	**Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**209.000**	**189.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**272.000**	**245.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**647.000**	**647.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**695.000**	**695.000**	
3	**Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**200.000**	**179.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**195.000**	**174.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**257.000**	**230.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**217.000**	**217.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**217.000**	**217.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**258.000**	**258.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**297.000**	**297.000**	
4	**Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên**				
4.1	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**201.000**	**180.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**195.000**	**175.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**258.000**	**232.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**235.000**	**235.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**235.000**	**235.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**277.000**	**277.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**267.000**	**267.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**267.000**	**267.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**316.000**	**316.000**	
4.2	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**269.000**	**242.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**350.000**	**350.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**350.000**	**350.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**414.000**	**414.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**425.000**	**425.000**	
4.3	***Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**425.000**	**425.000**	
5	**Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký**				
5.1	***Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**237.000**	**217.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**207.000**	**186.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**316.000**	**289.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**323.000**	**323.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**323.000**	**323.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**387.000**	**387.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**425.000**	**425.000**	
5.2	***Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận đồng thời Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**355.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**425.000**	**425.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
6	**Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**269.000**	**242.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**502.000**	**502.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**502.000**	**502.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**628.000**	**628.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**544.000**	**544.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**544.000**	**544.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**676.000**	**676.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
7	**Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**				
7.1	***Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**209.000**	**189.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**272.000**	**245.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**503.000**	**503.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**503.000**	**503.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**629.000**	**629.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**544.000**	**544.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**544.000**	**544.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**676.000**	**676.000**	
8	**Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**269.000**	**242.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**521.000**	**521.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**647.000**	**647.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**695.000**	**695.000**	
9	**Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**695.000**	**695.000**	
10	**Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**214.000**	**194.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**200.000**	**179.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**280.000**	**253.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**523.000**	**523.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**523.000**	**523.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**649.000**	**649.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**695.000**	**695.000**	
11	**Tách thửa hoặc hợp thửa đất**				
11.1	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà không thay đổi người sử dụng đất***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**267.000**	**267.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**267.000**	**267.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**316.000**	**316.000**	
11.2	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà không thay đổi người sử dụng đất đồng thời Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp thay đổi kích thước cạnh, diện tích, số hiệu thửa do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**267.000**	**267.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**267.000**	**267.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**316.000**	**316.000**	
11.3	***Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất mà có thay đổi người sử dụng đất***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**297.000**	**297.000**	
12	**Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản**				
12.1	***Trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án không phải là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận***				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**269.000**	**242.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**647.000**	**647.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**695.000**	**695.000**	
12.2	***Trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án không phải là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**239.000**	**218.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**695.000**	**695.000**	
13	**Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (trường hợp giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp thực hiện đăng ký biến động đất đai có sai sót)**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**199.000**	**178.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**195.000**	**174.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**255.000**	**228.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**269.000**	**269.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**269.000**	**269.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**326.000**	**326.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**239.000**	**218.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**301.000**	**301.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**301.000**	**301.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**365.000**	**365.000**	
14	**Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (trường hợp thu hồi và hủy Giấy chứng nhận được cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất) - (áp dụng đối với trường hợp phải thu hồi và Cấp lại Giấy chứng nhận do sai sót của người sử dụng đất)**				
a	***Thu hồi giấy chứng nhận và không thực hiện cấp lại***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**204.000**	**183.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**196.000**	**176.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**263.000**	**236.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**100.000**	**100.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**100.000**	**100.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**125.000**	**125.000**	
b	***Thu hồi giấy chứng nhận và thực hiện cấp lại***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với đất	GCN	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**301.000**	**301.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**301.000**	**301.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**365.000**	**365.000**	
15	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**269.000**	**242.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**647.000**	**647.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**695.000**	**695.000**	
16	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**208.000**	**187.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**198.000**	**177.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**269.000**	**242.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**521.000**	**521.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**647.000**	**647.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	GCN	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	GCN	**695.000**	**695.000**	
17	**Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**204.000**	**183.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**196.000**	**176.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**263.000**	**236.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**520.000**	**520.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**520.000**	**520.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**646.000**	**646.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**562.000**	**562.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**695.000**	**695.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
18	**Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao**				
a	***Xác nhận trên Giấy chứng nhận đã cấp***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**204.000**	**183.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**196.000**	**176.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**263.000**	**236.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**364.000**	**364.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**364.000**	**364.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**444.000**	**444.000**	
b	***Cấp mới giấy chứng nhận***				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**407.000**	**407.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**407.000**	**407.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**493.000**	**493.000**	
19	**Thế chấp hoặc thay đổi nội dung thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**297.000**	**297.000**	
20	**Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai**				
-	*Nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**270.000**	**249.000**	
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**239.000**	**218.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**355.000**	**328.000**	
-	*Nội dung do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện*				
+	Đối với đất	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá dịch vụ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
+	Đối với tài sản	Hồ sơ	**249.000**	**249.000**	
+	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**297.000**	**297.000**	
V	**TRÍCH LỤC HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH**				
*	Trích lục hồ sơ thửa đất (hồ sơ với 1 thửa đất)	Thửa	**73.500**	**73.500**	
*	Trích lục hồ sơ khu đất - dưới 05 thửa	Thửa	**58.500**	**58.500**	
*	Trích lục hồ sơ khu đất - từ 05 thửa đến 10 thửa	Thửa	**47.500**	**47.500**	
*	Trích lục hồ sơ khu đất - trên 10 thửa	Thửa	**36.500**	**36.500**	